

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh giai
đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Thời gian qua, hệ thống sơ chế, bảo quản nông sản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh đã từng bước phát triển, đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Đến nay đã hình thành và phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản gắn kết với vùng nguyên liệu, ứng dụng công nghệ tiên tiến và thiết bị hiện đại, nhất là nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh như hạt điều, gỗ, các sản phẩm từ chăn nuôi... Tuy nhiên, đến nay vẫn còn khoảng 80% nhóm sản phẩm nông sản khác đang được nông dân bán thô, bán tươi ngay tại vườn; một số loại nông sản được thu hoạch khi chưa đủ độ chín, không qua sơ chế và không được áp dụng các biện pháp bảo quản phù hợp dẫn đến chất lượng của sản phẩm không cao, ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu nông sản Bình Phước trên thị trường. Trong thời gian tới, hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh cần được phát triển một cách đồng bộ, vững chắc và hiệu quả, góp phần nâng cao giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

Triển khai Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất kết luận về phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

1. Quan điểm

Phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản phải được thực hiện một cách đồng bộ trong các khâu của chuỗi giá trị, từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị gia tăng, giảm tổn thất sau thu hoạch; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu, quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Mục tiêu

2.1. Đến năm 2025

Trên 50% doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sơ chế, bảo quản sau thu hoạch có trình độ công nghệ sản xuất trung bình tiên tiến trở lên.

Khoảng 20% sản phẩm nông sản tham gia chuỗi liên kết giữa sản xuất - sơ chế - bảo quản - chế biến và tiêu thụ.

Đảm bảo khoảng 20% sản lượng nông sản sau thu hoạch được sơ chế, bảo quản đúng phương pháp nhằm hạn chế thấp nhất tổn thất sau thu hoạch.

Giảm tổn thất sau thu hoạch bình quân xuống còn 19,2%.

2.2. Đến năm 2030

Trên 60% doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sơ chế, bảo quản sau thu hoạch có trình độ công nghệ sản xuất trung bình tiên tiến trở lên.

Khoảng 35% sản phẩm nông sản tham gia chuỗi liên kết giữa sản xuất - sơ chế - bảo quản - chế biến và tiêu thụ.

Đảm bảo khoảng 30% sản lượng nông sản sau thu hoạch được sơ chế, bảo quản đúng phương pháp nhằm hạn chế thấp nhất tổn thất sau thu hoạch.

Giảm tổn thất sau thu hoạch bình quân xuống còn 18,6%.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Phát triển đồng bộ các cơ sở sơ chế, bảo quản nông sản gắn với vùng nguyên liệu tập trung trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất ra các sản phẩm chủ lực, có thế mạnh địa phương mang chỉ dẫn địa lý, chứng nhận, nhãn hiệu tập thể...

3.2. Thực hiện tốt công tác tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch; xây dựng, hỗ trợ một số mô hình điểm trình diễn trong sơ chế, bảo quản sau thu hoạch nhằm từng bước thay đổi nhận thức, tư duy về phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch.

Củng cố nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức đại diện nông dân; vận động nông dân thành lập mới và tham gia có trách nhiệm các tổ chức trên; tiếp tục vận động nông dân tham gia chuỗi giá trị trong từng sản phẩm từ các khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến đến phân phối, tiêu dùng.

3.3. Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn về các kiến thức trong việc sơ chế, bảo quản sau thu hoạch. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, hộ gia đình trong lĩnh vực sơ chế, bảo quản sau thu hoạch.

3.4. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sơ chế, bảo quản nông sản, kết hợp cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế và

bảo quản nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Áp dụng công nghệ số vào công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3.5. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về thu hút đầu tư, nhất là trong việc phát triển các hệ thống, nhà máy sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh. Tăng cường xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, bảo quản nông sản sau thu hoạch. Tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức phi chính phủ, quốc tế... nhằm thu hút các nguồn lực, đồng thời lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án có liên quan để đầu tư hạ tầng cho các vùng, cơ sở sản xuất.

3.6. Tổ chức hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trong và ngoài nước. Phát triển hạ tầng thương mại, hệ thống logistics kết nối giữa người sản xuất với nhà phân phối, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động quảng bá, giới thiệu và phân phối sản phẩm. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo, thông tin thị trường trong nước và thế giới về thị phần, thị hiếu, giá cả, các tiêu chuẩn sản phẩm... để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản phẩm nông sản chủ lực, đặc sản địa phương.

3.7. Hàng năm, cân đối bố trí nguồn kinh phí phục vụ công tác: Tuyên truyền, đào tạo tập huấn; tổ chức hội nghị, hội thảo xúc tiến thương mại, trao đổi kinh nghiệm; chi cho hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, khuyến nông, khuyến công, đào tạo nghề và xây dựng mô hình.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Các cấp ủy đảng chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền nội dung Kết luận này đến các chi bộ, đảng bộ trực thuộc và triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương, đơn vị.

4.2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

4.3. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo việc cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm, định hướng của Kết luận này vào các nghị quyết liên quan của HĐND tỉnh; tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của Kết luận.

4.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Kết luận; tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của hội viên, đoàn viên và nhân dân đối với các chủ trương phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh.

4.5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành Kết luận; kịp thời tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh, hoặc khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4.6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn việc tuyên truyền và quán triệt thực hiện Kết luận.

4.7. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Chủ nhiệm thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kết luận; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các ban cán sự, đảng đoàn, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, BTV Tỉnh đoàn,
- Các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy,
- Các đ/c UV BCH Đảng bộ tỉnh,
- BCN thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp,
- VPTU: LĐVP, Phòng TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Nguyễn Mạnh Cường